

Số: /QĐ-UBND

Như Xuân, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Trang trại
chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất
giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật số: 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Các Nghị định số: 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch khu vực và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Các Thông tư Số: 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 về việc ban hành Quy chuẩn quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật; Số: 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Số: 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 28/1/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 13/05/2022 của UBND huyện Như Xuân về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5264/SNN&PTNT-KHTC ngày 30/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v tham gia ý kiến về Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân; Công văn số 8943/SXD-QH ngày 30/11/2022 của Sở Xây dựng Thanh Hóa V/v Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 184/KTHT-TĐ ngày 07/12/2022 (kèm theo Tờ trình số 512/TTr-G8 ngày 05/12/2022 của Công ty TNHH Công Nghệ Xanh G8),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân gồm các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi heo khép kín công nghệ cao và sản xuất giống cây trồng tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô khu đất lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi lập quy hoạch 40,375 Ha, thuộc xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Ranh giới khu đất thực hiện dự án:

+ Phía Bắc và phía Tây giáp đất rừng sản xuất và đường giao thông lâm nghiệp (đường đất)

+ Phía Nam và phía Đông giáp đất rừng sản xuất.

2.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

Diện tích khu đất lập quy hoạch, tỷ lệ 1/500: 403.754,60 m².

Trong đó: + Đất trang trại: 210.680,42 m²

+ Đất sản xuất giống cây: 193.074,18 m²

2.3. Quy mô công suất dự án:

- Quy mô lao động dự kiến: 60 người

- Công suất dự kiến: 2.400 con heo nái và 24.000 con heo thịt/lúa; khoảng 02 triệu tấn/năm giống cây trồng và hoa.

3. Tính chất, chức năng:

Nhằm hình thành và phát triển khu chăn nuôi Lợn tập trung, có quy mô lớn đạt chuẩn mô hình trang trại và chăn nuôi Lợn áp dụng khoa học kỹ thuật theo mô hình công nghệ khép kín, gắn liền với sử dụng hiệu quả các nguồn nguyên liệu, phế phụ phẩm từ nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội và xuất khẩu.

6. Quy hoạch sử dụng đất.

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (m ²)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SDD	TỶ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TRANG TRẠI, SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG			403.754,6				100,0
A	ĐẤT TRANG TRẠI		210.680,42				
I. Đất xây dựng chuồng trại			64.986,09				16,10
1	Khu nhà heo hậu bị	TR-01	35.382,89	40-65	01	0,4-0,65	
2	Khu nhà heo cai sữa	TR-02	10.352,02	40-65	01	0,4-0,65	
3	Khu chuồng heo đẻ	TR-03	6.805,25	40-65	01	0,4-0,65	
4	Khu chuồng heo mang thai	TR-04	8.043,51	40-65	01	0,4-0,65	
5	Khu chuồng heo phối; khu chuồng heo đực	TR-05	2.878,91	40-65	01	0,4-0,65	
6	Khu chuồng heo cách ly	TR-06	1.523,51	40-65	01	0,4-0,65	
II. Đất xây dựng công trình kỹ thuật chuồng trại			16.322,59				4,04
1	Khu sát trùng; kho dụng cụ cơ khí	KT-01	688,50	40-60	01	0,4-0,60	
2	Khu xuất, nhập heo	KT-02	1.391,64	40-60	01	0,4-0,60	
3	Khu nhà tập kết xác heo hậu bị	KT-03	1.262,80	40-60	01	0,4-0,60	
4	Khu sát trùng; kho dụng cụ cơ khí; kho thuốc; đài xuất, nhập heo	KT-04	2.538,24	40-60	01	0,4-0,60	
5	Khu nhà tập kết xác heo nái	KT-05	1.229,79	40-60	01	0,4-0,60	
6	Khu tập kết phân, ép phân; lắng phân	KT-06	7.412,06	40-60	01	0,4-0,60	
7	Khu rửa xe tải; kho dụng cụ	KT-07	299,56	40-60	01	0,4-0,60	
8	Bãi chôn lấp xác heo số 1	KT-08	750,00	-	-	-	
9	Bãi chôn lấp xác heo số 2	KT-09	750,00	-	-	-	
III. Đất xây dựng các công trình phụ trợ			7.128,13				1,77
1	Khu văn phòng; Nhà nghỉ ca công nhân; nhà ăn; nhà bảo vệ; nhà sát trùng xe	PT-01	6.271,65	40-60	01	0,4-0,60	
2	Khu nhà điều hành	PT-02	611,80	40-60	01	0,4-0,60	
3	Khu nhà công nhân xuất bán	PT-03	244,68	40-60	01	0,4-0,60	

IV. Đất cây xanh cảnh quan - TDTT			36.293,78				8,99
1	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-01	1.420,53	-	-	-	
2	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-02	1.113,07	-	-	-	
3	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-03	6.281,53	-	-	-	
4	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-04	7.333,44	-	-	-	
5	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-05	332,66	-	-	-	
6	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-06	2.639,09	-	-	-	
7	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-07	1.520,81	-	-	-	
8	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-08	2.321,07	-	-	-	
9	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-09	10.205,33				
10	Cây xanh cảnh quan (Trồng keo)	CX-10	1.640,95				
11	Khu thể thao - giải trí	TDTT	1.485,30	-	-	-	
V. Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật			26.300,70				6,51
1	Khu xử lý chất thải	XLT-01	8.057,22	-	-	-	
2	Khu xử lý chất thải	XLT-02	13.920,09	-	-	-	
3	Khu xử lý nước sạch	XLN-01	3.955,89	-	-	-	
4	Khu hệ thống điện, trạm biến	BA-01	367,50	-	-	-	
VI. Đất mặt nước - hồ chứa nước			17.027,24				4,22
1	Khu bể thu nước sạch təc nước	HN-01	785,63	-	-	-	
2	Khu bể thu nước sạch təc nước	HN-02	351,48	-	-	-	
3	Khu bể nước chung chuyển	HN-03	544,00	-	-	-	
4	Khu hồ sự cố	HN-04	2.845,15	-	-	-	
5	Khu hồ sinh thái; ao	HN-05	8.357,82	-	-	-	
6	Khu hồ sinh thái; ao	HN-06	1.944,00	-	-	-	
7	Mương thoát nước nhân tạo	HN-07	2.199,16	-	-	-	

VII. Đất taluy kè chống sạt lở			22.454,95				5,56
1	Taluy kè sạt lở 1	TL-01	2.357,34	-	-	-	
2	Taluy kè sạt lở 2	TL-02	11.216,79	-	-	-	
3	Taluy kè sạt lở 3	TL-03	1.212,52	-	-	-	
4	Taluy kè sạt lở 4	TL-04	6.250,44	-	-	-	
5	Taluy kè sạt lở 5	TL-05	456,90	-	-	-	
6	Taluy kè sạt lở 6	TL-06	960,96	-	-	-	
VIII. Đất giao thông nội bộ và rãnh thoát nước			20.166,94				4,99
B	ĐẤT SẢN XUẤT GIỐNG CÂY		193.074,18				47,8
1	Đất ươm giống cây, trồng hoa 1	GC-01	81.837,69	-	-	-	
2	Đất ươm giống cây, trồng hoa 2	GC-02	48.295,94	-	-	-	
3	Đất ươm giống cây, trồng hoa 3	GC-03	51.091,48	-	-	-	
4	Đất ươm giống cây, trồng hoa 4	GC-04	11.849,07				
A+B	DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH DỰ ÁN		<u>403.754,60</u>				

7. Hạ tầng kỹ thuật

7.1 Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến giao thông đối ngoại (kết nối đường hiện trạng) gồm tuyến đường D1 kết nối từ đường giao thông ngoài vào đến khu chuồng nuôi. Có bề rộng mặt đường thông thường 4,0m. Trên tuyến bố trí một số đoạn mở rộng và quay đầu xe. Ký hiệu mặt cắt 1-1; 2-2;

b) Giao thông đối nội:

Là các tuyến kết nối từ tuyến giao thông đối ngoại vào khu vực chuồng nuôi và công trình phụ trợ, bao gồm các tuyến:

- Tuyến D5 và D6 là tuyến chạy bao quanh khu vực chuồng nuôi Có bề rộng mặt đường 4,0m. Trên tuyến bố trí điểm quay đầu xe ở đầu tuyến, giữa tuyến và cuối tuyến. Ký hiệu mặt cắt 1-1.

- Tuyến D7, là tuyến kết nối từ đường đối ngoại vào các công trình phụ trợ Có bề rộng mặt đường 4,0m. Ký hiệu mặt cắt 1-1;

7.2 Quy hoạch san nền

Khu vực lựa chọn xây dựng khu chăn nuôi có cao độ khá cao, hằng năm thường không bị ảnh hưởng của thủy văn sông, do đó cao độ san nền lựa chọn trên cơ sở đảm bảo khả năng thoát nước mặt và đảm bảo khối lượng công tác đất tối thiểu.

- + Cao độ san nền cao nhất : 126,6 m, nằm ở phía Bắc.
- + Cao độ san nền thấp nhất: 85,3 m, nằm ở phía Tây.
- + Độ dốc nền đảm bảo lớn hơn 0,1%.

7.3 Quy hoạch thoát nước mưa:

Đảm bảo thoát nước mưa tự chảy; tuân thủ theo địa hình thoát nước lưu vực; Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trong khu vực; thu gom tập trung các lưu vực về phía Bắc, Đông, Nam.

7.4 Quy hoạch cấp nước:

- Đối với nguồn cấp nước phục vụ sản xuất: Nước được lấy từ khu bể chứa nước khu vực, nước cấp được xử lý sơ bộ qua bể lọc, bể chứa từ đó được bơm tăng áp tới các téc chứa nước và dẫn tới các khu vực chăn nuôi gia súc. Nguồn nước cấp cho bể chứa được lấy từ nguồn nước ngầm và nước mặt khai thác tại khu vực dự án.

- Đối với nguồn cấp nước sinh hoạt cho công nhân: Nước cấp cho mục đích sinh hoạt của công nhân chủ yếu được cấp từ nguồn nước giếng khoan vào các téc chứa nước có ký hiệu (8;9) tại khu vực téc bể thu nước sạch.

(Việc khai thác nguồn nước ngầm và nước mặt phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cho phép)

7.5. Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát thải chăn nuôi

+ Thoát nước thải riêng hoàn toàn với thoát nước mưa. Nước thải cho khu vực chủ yếu là nước thải trong quá trình sản xuất, chăn nuôi.

+ Nước thải từ các khu vực chăn nuôi, được thoát tự chảy qua hệ thống cống, rãnh xây có năm dẫy D600-D1000 dẫn về bể chứa sau khi xử lý tách, ép phân nước thải chảy về khu vực các bể Bioga và chảy qua hồ lắng, từ đây nước thải được bơm cưỡng bức lên hệ thống cụm bể xử lý sinh học công nghệ cao bằng ống PVC D200. Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý tập trung đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, kq=0,6; kf=0,9): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Sau đó được dẫn về 01 hồ sinh thái một phần dùng để tưới cây, rửa chuồng và tắm cho heo, phần còn lại được thải ra môi trường

- Hệ thống thoát nước thải từ các nhà phụ trợ được thu gom vào các ống đặt trong các hộp kỹ thuật chảy vào bể tự hoại. Nước thải sau khi qua bể tự hoại xử lý sẽ được thoát ra rãnh thu nước mưa xung quanh nhà.

7.6. Quy hoạch cấp điện

Xây dựng lộ cấp điện từ tủ điện phân phối hạ thế thuộc trạm biến áp xây mới đầu nối từ nguồn trung áp địa phương đến các vị trí chuồng trại, khu xử lý nước thải và các khu phụ trợ. Cấp điện cấp từ tủ phân phối hạ thế tới vị trí chuồng trại,

khử xử lý nước thải và các khu phụ trợ dùng cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC và đi ngầm.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

a) Công ty Công ty TNHH Công Nghệ Xanh G8 có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ và thuyết minh và bản vẽ quy hoạch theo nội dung trên; gửi UBND huyện Như Xuân, Sở Xây dựng đóng dấu, lưu trữ theo quy định, làm cơ sở quản lý thực hiện.

- Phối hợp với UBND xã Thanh Xuân tổ chức công bố công khai quy hoạch cho các tổ chức, cơ quan, nhân dân biết để thực hiện và giám sát thực hiện.

b) Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Tài nguyên môi trường và các phòng ban chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn công ty TNHH công nghệ xanh G8 quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Thanh Xuân, Giám đốc Công ty TNHH công nghệ xanh G8, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Công ty TNHH công nghệ xanh G8 (5 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Đồng